

Về mối quan hệ vợ chồng trong gia đình Việt Nam hiện nay

Bùi Thị Hồng^(*)

Tóm tắt: Trong các mối quan hệ gia đình ở Việt Nam hiện nay, quan hệ vợ chồng được xem là mối quan hệ mang tính nền tảng, có ảnh hưởng nhất định đến hạnh phúc, độ bền vững và phát triển của gia đình nói chung. Mối quan hệ vợ chồng trong cuộc sống gia đình thường được thể hiện ở nhiều khía cạnh/lĩnh vực khác nhau như phân công lao động theo giới; người chủ gia đình, quản lý và quyết định ra các quyết định trong gia đình; đời sống tình dục vợ chồng, quan hệ tình dục ngoài vợ, chồng; vấn đề ly hôn;... Bài viết cung cấp một số kết quả nghiên cứu về gia đình theo các khía cạnh vừa nêu.

Từ khóa: Gia đình, Quan hệ vợ chồng, Vợ chồng

Abstract: Out of family relationships in Vietnam nowadays, spousal relationship is considered a fundamental relationship that decisively affects happiness, sustainability and development of the family in general. Spousal relationship in family life is often described in different aspects such as division of labor by gender; the management and decision making of family head in family issues, sex life of married couples, sexual relationship outside marriage and divorce matters. The article provides some related research results in terms of the abovementioned aspects.

Keywords: Family, Spousal Relations, Spouses

1. Mở đầu

Gia đình luôn là đối tượng nghiên cứu nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà khoa học, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước. Ở Việt Nam, các mối quan hệ trong gia đình hiện nay được bàn đến khá nhiều trong các công trình nghiên cứu gần đây. Theo Nguyễn Hữu Minh (2012), các mối quan hệ trong gia đình thường được xem

xét theo hai chiều cạnh: quan hệ chiều ngang (chủ yếu là quan hệ vợ - chồng, anh - em) và quan hệ chiều dọc (theo các thế hệ, chủ yếu là quan hệ cha mẹ - con cái và quan hệ ông bà - con cháu). Bài viết đưa ra cái nhìn bao quát về một số khía cạnh cơ bản trong mối quan hệ vợ chồng trong gia đình Việt Nam hiện nay từ nguồn tài liệu là các công trình nghiên cứu khoa học về các vấn đề của gia đình công bố trên các tạp chí chuyên ngành, sách, hội thảo trong vòng 10 năm trở lại đây.

^(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội; Email: buihongxhh@gmail.com

2. Một số khía cạnh cơ bản

a. Phân công lao động theo giới

Sự phân công lao động giữa người vợ và người chồng cho đến nay vẫn được duy trì như trước đây mặc dù đã có sự chia sẻ cân bằng hơn giữa hai giới trong công việc. Nhiều người quan niệm rằng, phụ nữ phù hợp hơn với công việc nội trợ và chăm sóc gia đình, còn nam giới phù hợp với vai trò là người làm ra kinh tế, ngoại giao,... Các công trình nghiên cứu gần đây như: *Xã hội học gia đình* (Mai Huy Bích, 2009); “Quan hệ gia đình: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” (Ngô Thị Tuấn Dung, 2009); “Phân công lao động và quyết định công việc gia đình” (Lê Thi, 2009a); “Các mối quan hệ trong gia đình ở Việt Nam: Một số vấn đề cần quan tâm” (Nguyễn Hữu Minh, 2012); “Phân công lao động và quyền quyết định trong gia đình nông thôn đồng bằng Bắc bộ” (Vũ Mạnh Lợi, Trịnh Thị Quang, Nguyễn Hồng Thái, Nguyễn Khách Bích Trâm, Đặng Vũ Hoa Thạch, 2013); “Phân công lao động theo giới trong gia đình: Cách nhìn mới cho một chủ đề cũ” (Trần Thị Vân Nương, 2013); “Công việc gia đình và địa vị của người phụ nữ” (Vũ Thị Cúc, Nguyễn Hồng Linh, 2016);... ít nhiều cho thấy quan niệm đó vẫn còn tồn tại.

Theo Nguyễn Hữu Minh (2012), có tới 82,5% người trả lời cho biết người vợ làm chính công việc nội trợ, chỉ có 3,5% cho biết đây là công việc do người chồng phụ trách. Một nghiên cứu khác của Vũ Thị Cúc và Nguyễn Hồng Linh (2016) cũng đồng quan điểm khi cho rằng, vai trò người đảm nhiệm chính các công việc gia đình của phụ nữ Việt Nam rất phổ biến và không có sự khác biệt theo vùng miền, khu vực hoặc nhóm kinh tế - xã hội. Phụ nữ ở cả hai miền Bắc và Nam đều là người đảm nhiệm chủ yếu công việc gia đình.

Hầu hết các tài liệu đều chỉ ra rằng, sự thay đổi trong phân công lao động theo giới trong gia đình là khá chậm chạp. Theo Ngô Thị Tuấn Dung (2009), bên cạnh những thay đổi lớn như tỷ lệ thời gian nữ giới cùng tham gia việc nhà, sản xuất kinh doanh tương đương với nam giới, thì số thời gian làm công việc nội trợ của lao động nữ cao gấp 2,5 lần so với lao động nam ở khu vực thành thị và cao gấp 2,3 lần ở khu vực nông thôn. Đề cập đến vị trí của phụ nữ qua câu tục ngữ “Vắng đàn ông quanh nhà, vắng đàn bà quanh bếp”, Mai Huy Bích (2011) cho rằng, bí quyết để phụ nữ chinh phục nam giới phần nào đó liên quan đến công việc bếp núc. Nếu ở phương Tây quan niệm “con đường đến với nam giới đi qua dạ dày của họ”, thì ở Việt Nam cho rằng “nấu ăn giỏi cũng là một cách giữ chồng”. Kết quả nghiên cứu của Lê Thi (2009a) khá giống với hai tác giả trên về tỷ lệ nữ giới (người vợ) làm nội trợ chính trong gia đình (chiếm 70,2%).

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, sự phân công lao động giữa vợ và chồng cũng có nhiều điểm khác biệt. So sánh tình hình phân chia công việc gia đình ở nông thôn và thành thị, Lê Thi (2009b) đã khái quát một số điểm khác biệt giữa hai khu vực. Ở nông thôn, lao động sản xuất là công việc do cả hai vợ chồng cùng thực hiện (chiếm tỷ lệ 63,8%), nhưng người chồng làm chính chiếm tỷ lệ cao hơn hẳn so với người vợ (23,4 và 4,3%). Trong khi đó ở thành thị, sự tham gia của phụ nữ vào công việc đa dạng hơn. Họ không chỉ làm công việc nội trợ, hoạt động sản xuất, giáo dục con cái, mà còn tham gia công việc cộng đồng với tỷ lệ 21,2% (so với người chồng là 27,3%). Nhiều trường hợp, phụ nữ ở thành thị có địa vị công tác, có thu nhập tiền lương, vị trí xã hội không kém nam giới.

Có thể thấy, thực hiện vai trò tổ chức đời sống của gia đình giúp người phụ nữ tăng cường hơn vị trí của mình trong gia đình. Chính sự tham gia của nam giới vào công việc nội trợ không tăng đáng kể nên phụ nữ vẫn là những người chịu nhiều thiệt thòi. Phần lớn các công việc trong gia đình phụ nữ vẫn là người gánh vác chính. Nam giới thường làm những công việc gắn với vai trò trụ cột của họ như kiếm tiền, đối ngoại.

b. Chủ hộ gia đình, quyền sở hữu và quyền ra các quyết định trong gia đình

Vấn đề chủ hộ gia đình hiện nay cũng là chủ đề được bàn đến khá nhiều trong các nghiên cứu xã hội học về gia đình. Giới tính của chủ hộ là đề tài được nhiều nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm. Trước đây, khi tư tưởng “trọng nam khinh nữ” còn nặng nề thì nam giới, người chồng là trụ cột, là người quyết định chính mọi công việc trong gia đình, do đó, họ đóng vai trò là chủ hộ; Ngược lại, phụ nữ, người vợ hiếm khi được gia đình, họ hàng thừa nhận vai trò này. Những năm gần đây, tư tưởng này đã nhạt bớt, tuy nhiên trong một số trường hợp, người phụ nữ giỏi giang, nắm nguồn kinh tế chính, điều khiển mọi công việc trong gia đình nhưng về danh nghĩa thì chủ hộ vẫn là nam giới, người chồng.

Đề cập đến khía cạnh này, có một số công trình khoa học tiêu biểu như: “Vai trò người chủ hộ trong việc xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc” của Lê Thi (2008); *Nghiên cứu gia đình và giới thời kỳ đổi mới* của Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh (2009); “Chủ hộ gia đình Việt Nam là ai?” của Vũ Mạnh Lợi (2009); *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam* của Lê Ngọc Văn (2011); “Các mối quan hệ trong gia đình ở Việt Nam: Một số vấn đề cần quan tâm” của Nguyễn Hữu Minh (2012); “Quyền quyết định đối với nhà, đất ở của

vợ và chồng trong gia đình hiện nay: Qua cuộc khảo sát tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc” của Lê Thị Hồng Hải, Phạm Thanh Vân (2012); “Đóng góp kinh tế của vợ và chồng ở các gia đình Bắc Trung bộ” của Nguyễn Hữu Minh (2016); “Khuôn mẫu ứng xử vợ chồng trong gia đình qua nghiên cứu tài liệu trong và ngoài nước” của Nguyễn Thanh Huyền (2016), v.v...

Phần nhiều các nghiên cứu cho thấy, quan niệm về người chủ hộ cho đến nay vẫn không có sự biến chuyển đáng kể, hầu hết người dân vẫn coi nam giới là chủ hộ. Nghiên cứu của Vũ Mạnh Lợi (2009) chỉ ra rằng, chủ hộ là người đại diện cho hộ gia đình trong giao dịch với người ngoài (31%); chủ hộ là nam giới lớn tuổi nhất (27%). Theo Lê Thi (2008), tỷ lệ chủ hộ là nữ trên toàn quốc tăng lên theo tuổi và đạt 31,5% ở nhóm tuổi 55 - 59, và 37,8% ở nhóm tuổi từ 65 trở lên, phù hợp với tỷ lệ giới tính của dân số theo độ tuổi. Đa phần chủ hộ nữ là những phụ nữ góa chồng, ly hôn không tái hôn và phụ nữ đơn thân không kết hôn. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh (2009) lại đưa ra ít nhất 4 mô hình người chủ gia đình đang tồn tại trên thực tế: 1) Mô hình nam giới, người chồng làm chủ gia đình; 2) Mô hình người phụ nữ, người vợ làm chủ gia đình; 3) Mô hình cả hai vợ chồng cùng làm chủ gia đình; 4) Mô hình chủ gia đình là người đóng góp nhiều thu nhập cho gia đình. Như vậy, có sự thay đổi trong mô hình người chủ gia đình ở nghiên cứu này so với các nghiên cứu trên. Chủ gia đình không chỉ là nam giới mà có thể là nữ giới hoặc cả hai vợ chồng, hoặc là người làm ra kinh tế nhiều hơn trong gia đình.

Về quyền quyết định trong gia đình, ở Việt Nam, các nghiên cứu gần đây đều

tập trung phân tích thực trạng và xu hướng biến đổi của quyền này thể hiện qua tiếng nói và quyền quyết định của vợ, chồng trong các công việc quan trọng của gia đình. Theo Nguyễn Thanh Huyền (2016), khác với mô hình “độc quyền” trong gia đình truyền thống, ở đó quyền quyết định chủ yếu thuộc về người đàn ông, xu hướng “phân quyền” - người vợ/người chồng quyết định chính một số công việc và “chung quyền” - cả hai vợ chồng cùng quyết định trong gia đình Việt Nam hiện đại là khá phổ biến.

Nhận định trên khá tương đồng với kết quả nghiên cứu của Lê Thi (2009). Tỷ lệ vợ chồng cùng bàn bạc, đưa ra các quyết định chính trong gia đình như: làm kinh tế; các khoản chi lớn; sửa nhà; việc học hành của con cái; hôn nhân của con cái; các quan hệ đối nội, đối ngoại là khá cao (lần lượt là: 30,7%; 37,5%; 35,8%; 43,8; 34,8%; 49,1%). Tác giả cũng đưa ra sự so sánh về tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng bàn bạc đưa ra quyết định một số công việc chính trong gia đình ở nông thôn và thành thị. Theo đó, tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng quyết định một số công việc chính trong gia đình ở thành thị cao hơn ở nông thôn.

Sự đóng góp về mặt kinh tế cho gia đình có vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao vị thế và quyền của người phụ nữ. Nguyễn Hữu Minh (2016) nhận định, việc đóng góp kinh tế của người vợ cao hơn hoặc bằng so với người chồng cũng là cơ sở để họ có nhiều quyền quyết định hơn trong các công việc gia đình. Phụ nữ thành thị, phụ nữ có trình độ học vấn cao, phụ nữ làm quản lý lãnh đạo đóng góp cho kinh tế gia đình cao hơn so với phụ nữ nông thôn, phụ nữ có trình độ học vấn thấp, phụ nữ không làm quản lý lãnh đạo.

Nhìn chung, các nghiên cứu đều đưa ra những quan điểm chung rằng, chủ hộ gia đình thường là nam giới, người chồng. Việc chủ hộ là nữ giới chiếm tỷ lệ thấp, thường rơi vào những trường hợp như góa, đơn thân, người có thu nhập chính, có tiếng nói trong gia đình. Trong việc đưa ra các quyết định chính trong gia đình, tuy đã có sự thống nhất, bàn bạc giữa vợ và chồng nhưng người chồng vẫn là người chủ đạo quyết định mọi việc.

c. Đời sống tình dục vợ chồng

Một khía cạnh khác trong mối quan hệ vợ chồng được quan tâm nhiều là vấn đề đời sống tình dục vợ chồng. Nguyễn Phương Thảo (2012) cho rằng, quan hệ tình dục đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống hôn nhân gia đình. Ngoài chức năng duy trì nòi giống, hoạt động này còn có ý nghĩa trong việc thể hiện tình yêu, thỏa mãn nhu cầu tình cảm và là yếu tố tạo nên hạnh phúc và sự bền vững của một gia đình.

Sự *hài lòng* hay *không hài lòng* về ứng xử của vợ/chồng trong đời sống tình dục có thể góp phần củng cố hoặc phá vỡ hôn nhân, và về mặt nào đó, nó có thể được xem là thước đo đánh giá sự thỏa mãn của các cặp vợ chồng trong đời sống hôn nhân. Đó là nhận định của nhóm tác giả Phan Thị Mai Hương, Đặng Thị Thu Trang, Đỗ Thị Lệ Hằng, Phạm Phương Thảo (2018). Theo đó, có 23,5% số người trả lời khẳng định *rất hài lòng*; 65,6% cho biết *hài lòng* và chỉ có 5,3% bày tỏ *không hài lòng* về ứng xử của vợ/chồng trong đời sống tình dục. Xét về góc độ giới tính, theo Nguyễn Thị Phương Thảo (2012), không có sự khác biệt đáng kể giữa nam và nữ. Người dân đô thị có xu hướng hài lòng về đời sống tình dục hơn người dân nông thôn (8,18% và 8%).

Nguyễn Hà Đông (2015) cho thấy sự ảnh hưởng mạnh mẽ của yếu tố hòa hợp tình dục đến sự hài lòng với hôn nhân của các cặp vợ chồng hiện nay. Theo tác giả, sự hòa hợp về tình dục dẫn đến sự hài lòng với hôn nhân còn mạnh mẽ hơn so với các yếu tố liên quan đến sự tương tác giữa các cặp vợ chồng. Tỷ lệ không hòa hợp về tình dục với vợ/chồng có xu hướng hài lòng với hôn nhân ít hơn 90% so với nhóm còn lại. Điều này cũng phù hợp với xu hướng chung của các nghiên cứu nước ngoài về tầm quan trọng của tình dục đối với hôn nhân.

Có thể thấy rằng, các kết quả nghiên cứu đều chỉ ra tầm quan trọng của đời sống tình dục vợ chồng trong hôn nhân. Nó là sợi dây vô hình kết nối và duy trì hạnh phúc gia đình. Có nhiều trường hợp, vợ/chồng không hài lòng với đời sống tình dục đã dẫn đến bạo lực tình dục với người bạn đời, phá vỡ sự chung thủy vợ/chồng, nảy sinh các mối quan hệ ngoài vợ/chồng, ly hôn,...

Hiện tượng quan hệ tình dục ngoài vợ/chồng (ngoại tình) nhìn chung khó được xã hội chấp nhận. Kết quả khảo sát về gia đình gần đây của Lê Ngọc Văn (2012) cho thấy, có 97,3% nữ và 93,9% nam trả lời “không đồng ý” và “rất không đồng ý” đối với việc ngoại tình.

Tuy nhiên, quan điểm về sự chung thủy và ngoại tình ngày nay cũng khác hơn so với trước kia. Mặc dù ngoại tình không được đa số người dân chấp nhận, nhưng đó là vấn đề tự do cá nhân và được giải quyết trong phạm vi gia đình. Theo Phan Huyền Dân (2018), quan hệ tình dục với người khác giới khi xa vợ/chồng đều bị phản đối mạnh mẽ, song đối với nữ dường như gay gắt hơn. Cụ thể, tỷ lệ phản đối đối với người phụ nữ là 91,1% và nam giới là 86,1%.

Ngoài ra, khía cạnh này còn được bàn đến trong một số công trình khoa học của Trịnh Thái Quang (2007) với bài viết “Một số vấn đề về mâu thuẫn vợ chồng và bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình nông thôn”; Khuất Thu Hồng, Lê Bạch Dương, Nguyễn Ngọc Hương (2009) trong cuốn *Tình dục trong xã hội Việt Nam đương đại - chuyện dễ đùa khó nói*; Bùi Thị Hương Trâm (2012) với bài viết “Tình yêu trong hôn nhân: Qua cuộc khảo sát tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc”; Lỗ Việt Phương (2013) với bài viết “Một số hình thức thể hiện tình cảm vợ chồng trong gia đình”; Đặng Thanh Nhân (2014) với bài viết “Mức độ hài lòng về cuộc sống gia đình và các yếu tố liên quan: Một số phát hiện từ nghiên cứu ở Quảng Ngãi”;... Các tác giả đều đi sâu phân tích vai trò quan trọng của đời sống tình dục vợ chồng trong cuộc sống hôn nhân. Sự hài lòng của cả vợ và chồng về mặt thể xác được xem như chất xúc tác duy trì cuộc sống hôn nhân gia đình bền lâu.

Như vậy, có thể thấy rằng, đời sống tình dục vợ chồng góp phần quan trọng trong việc duy trì, củng cố mối quan hệ hôn nhân gia đình. Mặc dù tình dục vốn được xem là chuyện tế nhị, khó sẻ chia ở Việt Nam, nhưng vai trò quan trọng của nó đối với hôn nhân cho thấy cần có cái nhìn đúng đắn hơn về tình dục, đặc biệt trong đời sống vợ chồng.

d. Ly hôn

Sự tan vỡ của hôn nhân xảy ra ở mọi xã hội, nhưng mỗi xã hội chấp nhận điều đó ở mức độ khác nhau. Một số công trình khoa học phân tích về chủ đề này khá chi tiết, trong đó có những công trình được xuất bản thành sách như: *Vấn đề hôn nhân - gia đình và trẻ em qua góc nhìn báo chí* của Nguyễn Thị Thu Nguyệt, Đặng Thành

Công (2007); *Xã hội học gia đình* của Mai Huy Bích (2011); *Gia đình Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập từ cách tiếp cận so sánh* của Nguyễn Hữu Minh (2014); *Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về hôn nhân gia đình giữa các thế hệ người Việt Nam hiện nay* của Lê Thị (2009); hoặc một số bài tạp chí như: “Một số đặc điểm nhân khẩu - xã hội của cặp vợ chồng ly hôn: Qua nghiên cứu hồ sơ tòa án” của Phan Thị Luyện (2016); “Sự thay đổi hành vi tình dục của nam giới sau ly hôn: Nghiên cứu trường hợp ở thành phố Cần Thơ” của Phan Thuận (2011); v.v...

Nguyễn Thị Thu Nguyệt, Đặng Thành Công (2007) đưa ra quan điểm của một số nhà xã hội học rằng, ở những xã hội mà hôn nhân phục vụ lợi ích nhóm thân tộc, có nhiều cấu trúc mạnh mẽ để hỗ trợ nó, các cá nhân nam nữ không có nhiều đòi hỏi trong đời sống hôn nhân, những kỳ vọng của họ dễ dàng đạt được, việc ly hôn sẽ khó xảy ra. Ngược lại, đối với những người có kỳ vọng nhiều hơn, cao hơn ở người bạn đời của mình, nếu những kỳ vọng đó không thực hiện được, họ sẽ dễ dàng thất vọng, và tất yếu dẫn đến hôn nhân tan vỡ.

Theo Phan Thị Luyện (2016), tỷ lệ các cặp vợ chồng ly hôn cao nhất là ở các gia đình trẻ. Trong số những người đã ly hôn, 57,4% nữ giới và 46,4% nam giới ly hôn ở độ tuổi từ 26 - 35; trong khi đó 30,1% nam giới và 20,7% nữ giới ly hôn ở độ tuổi từ 36 - 45. Tuổi ly hôn của nam giới cao hơn nữ giới. 95,7% số cặp vợ chồng đều có khoảng thời gian ly thân trước khi ly hôn, trong đó 62,8% ly thân dưới 1 năm. Tác giả còn chỉ ra, các cuộc ly hôn thường gây ra những tổn thương nặng nề, nhất là với con cái của họ. 71,7% phụ nữ là người nuôi con sau ly hôn, trong đó 30,7% nuôi cả hai con. Chỉ

có 12,9% số nam giới nuôi con và 15,6% cả hai vợ chồng cùng nhau nuôi con.

Mai Huy Bích (2011) cũng đồng quan điểm với Phan Thị Luyện về sự thiệt thòi của con cái sau cuộc ly hôn của cha mẹ. Tác giả cho rằng, ly hôn là một khía cạnh quan trọng trong mối quan hệ vợ chồng hiện nay. Ly hôn có thể tốt hoặc không tốt đối với các cặp vợ chồng, song đối với trẻ nhỏ luôn là một sự thiệt thòi vô cùng lớn. Mối quan hệ sau ly hôn ở Việt Nam còn được nhóm tác giả Nguyễn Thị Thu Nguyệt, Đặng Thành Công (2007) so sánh với phương Tây. Theo đó, trong khi phương Tây nhìn nhận thoáng hơn về mối quan hệ của vợ chồng sau ly hôn như việc họ vẫn coi nhau là bạn và cùng nhau chăm sóc con cái, thì ở Việt Nam trường hợp đó khá hiếm, hầu hết các cặp vợ chồng sau ly hôn thường không còn coi nhau là bạn, không tiếp tục duy trì mối quan hệ.

Có thể thấy, ly hôn là giải pháp cuối cùng của các cặp vợ chồng khi họ không tìm ra được con đường nào khác để hàn gắn tình cảm. Mặc dù còn nhiều định kiến và hậu quả xã hội, nhưng trong xã hội ngày nay - nơi mà tự do cá nhân được coi trọng thì dường như đó lại là phương án hiệu quả để giải thoát cho các cá nhân có điều kiện phát triển hơn.

3. Kết luận

Mối quan hệ vợ chồng trong gia đình Việt Nam hiện nay qua các nghiên cứu gần đây đã có nhiều biến chuyển tích cực hơn so với giai đoạn trước. Nhiều khía cạnh trong mối quan hệ vợ chồng đã có sự thay đổi đáng kể, song bên cạnh đó vẫn còn những mặt hạn chế. Chẳng hạn, trong vấn đề phân công lao động gia đình, chủ yếu người vợ vẫn làm các công việc trong nhà, nếu có sự hỗ trợ của người chồng thì cũng rất hạn chế, tỷ lệ này chiếm đa số trong các gia đình ở

đô thị. Quyền ra quyết định trong nhà phân lớn cũng thuộc về nam giới/người chồng, người vợ chỉ đóng vai trò là người tham vấn. Một khía cạnh quan trọng khác trong mối quan hệ vợ chồng hiện nay có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng hôn nhân vợ chồng là đời sống tình dục vợ chồng. Vấn đề này hiện cũng được nhìn nhận thoáng hơn. Dù sự vi phạm chung thủy vợ chồng vẫn còn bị lên án, nhưng theo nhiều nhà nghiên cứu, đó là vấn đề cá nhân và nên giải quyết trong phạm vi gia đình. Tương tự, vấn đề ly hôn giữa các cặp vợ chồng hiện nay không còn bị soi xét kỹ lưỡng như trong xã hội truyền thống. Mọi người đã có cái nhìn cởi mở hơn về vấn đề này. Tựu chung lại, mối quan hệ vợ chồng dù được xem xét ở khía cạnh nào vẫn là chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, tìm hiểu. Hầu hết các nhà nghiên cứu đều có cách nhìn, đánh giá mang tính lý luận và thực tiễn cao về từng lĩnh vực cụ thể của mỗi quan hệ này □

Tài liệu tham khảo

1. Mai Huy Bích (chủ biên, 2011), *Xã hội học gia đình*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 85.
2. Vũ Thị Cúc, Nguyễn Hồng Linh (2016), “Công việc gia đình và địa vị của người phụ nữ”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 3.
3. Phan Huyền Dân (2018), “Quan điểm về chung thủy trong đời sống vợ chồng ở gia đình Việt Nam ngày nay”, trong Hội thảo “Giá trị gia đình Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay và xu hướng phát triển” thuộc khuôn khổ đề tài cấp bộ “Những giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay” (Mã số: KHXX - GD/16-19/10).
4. Ngô Thị Tuấn Dung (2009), “Quan hệ gia đình: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4.
5. Nguyễn Hà Đông (2015), “Sự hài lòng với hôn nhân và các yếu tố tác động”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 4.
6. Nguyễn Thanh Huyền (2016), “Khuôn mẫu ứng xử vợ chồng trong gia đình qua nghiên cứu tài liệu trong và ngoài nước”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 3.
7. Phan Thị Mai Hương, Đặng Thị Thu Trang, Đỗ Thị Lệ Hằng, Phạm Phương Thảo (2018), “Sự hài lòng hôn nhân”, trong Hội thảo “Đặc điểm cơ bản của hôn nhân hiện nay ở Việt Nam và yếu tố ảnh hưởng” thuộc khuôn khổ đề tài cấp bộ: “Những đặc điểm cơ bản của hôn nhân ở Việt Nam hiện nay và những yếu tố ảnh hưởng” (Mã số: KHXX - GD/16-19/02).
8. Vũ Mạnh Lợi (2009), “Chủ hộ gia đình Việt Nam là ai?”, *Tạp chí Xã hội học*, số 4.
9. Phan Thị Luyện (2016), “Một số đặc điểm nhân khẩu - xã hội của cặp vợ chồng ly hôn (Qua nghiên cứu hồ sơ tòa án)”, *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
10. Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Vân Anh (2009), *Nghiên cứu gia đình và giới thời kỳ đổi mới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Hữu Minh (2012), “Các mối quan hệ trong gia đình ở Việt Nam: Một số vấn đề cần quan tâm”, *Tạp chí Xã hội học*, số 4.
12. Nguyễn Hữu Minh (2016), “Đóng góp kinh tế của vợ và chồng ở các gia đình Bắc Trung bộ”, *Tạp chí Xã hội học*, số 1.

13. Nguyễn Thị Thu Nguyệt, Đặng Thành Công (chủ biên, 2007), *Vấn đề hôn nhân - gia đình và trẻ em qua góc nhìn báo chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Nguyễn Phương Thảo (2012), “Đời sống tình dục vợ chồng - qua cuộc khảo sát tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 5.
15. Lê Thi (2008), “Vai trò người chủ hộ trong việc xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 1.
16. Lê Thi (2009a), *Sự tương đồng và khác biệt trong quan niệm về hôn nhân gia đình giữa các thế hệ người Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Lê Thi (2009b), “Phân công lao động và quyết định công việc gia đình”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 5.
18. Lê Ngọc Văn (2012), “Một số khía cạnh về mối quan hệ vợ chồng qua các cuộc điều tra xã hội học gần đây ở Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 2.